

PHONG TRÀO VĂN THÂN

Trần Vinh (Bạch Diện Thư Sinh)

I. DẪN NHẬP

1. Có Phong trào sinh viên tranh đấu thời Nho học không?

Trong giảng khoá Văn chương Quốc âm về tác phẩm *Bích Câu Kỳ Ngộ* tại Văn khoa Đại học Sài Gòn những năm 1960, Gs. Nguyễn Khắc Hoạch khả kính đã gọi chàng Nho sinh Tú Uyên của phường Bích Câu là “sinh viên”. Theo chân vị giáo sư uyên bác và tài hoa năm xưa, trong bài này, chúng tôi cũng coi tầng lớp Nho sinh thuở xưa là các sinh viên theo cách gọi thời tân học.

Từ đó đặt ra câu hỏi: Thời Nho học gần hai ngàn năm thuở xưa ở nước ta, có cái gọi là phong trào sinh viên tranh đấu không?

Xin thưa ngay là CÓ!

Khởi đầu, đã phát hiện được một hình thức tranh đấu nhẹ nhàng của 2 vị tiên phong ưu tú nước Việt là Lí Cầm và Lí Tiến vào thế kỉ thứ 2, cuối thời Đông Hán. Song có lẽ vì cái đạo trung quân thời Nho học quá khắt khe, khiến cho suốt 17 thế kỉ tiếp theo, không còn thấy một cuộc đấu tranh nào xảy ra trong giới Nho sinh. Tuy nhiên, với cái nhìn thông thoáng, cũng ghi nhận được một số rất ít kẻ sĩ dám có hành động tranh đấu riêng lẻ cho một lí tưởng. Nổi bật là trường hợp các kẻ sĩ khoa bảng như Tiến sĩ Chu Văn An (1292-1370) với “Thất Trảm Sớ”, Trạng nguyên Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) với “Sớ Hạch Tội 18 Tên Lộng Thần” và Á khoa Cao Bá Quát (1809-1854) với cuộc nổi dậy ở Mĩ Lương.

Riêng lẻ thì không thể gọi là phong trào được.

Thế rồi vào giữa thế kỉ 19, đột nhiên đã nổ ra một phong trào tranh đấu đúng nghĩa và dữ dội chưa từng thấy của giới Nho sinh Việt Nam. Đó là Phong trào Văn Thân mà chúng tôi coi là một phong trào sinh viên tranh đấu đầu tiên, dữ dội nhất và đổ máu nhiều nhất, chẳng những ở nước ta mà còn trên toàn thế giới nữa.

2. Ý nghĩa, mục tiêu, cao trào

Phong trào Văn Thân là phong trào quần chúng đấu tranh do các Nho sĩ lãnh đạo.

Mục tiêu của Phong trào là “Bình Tây, Sát Tả” để cứu nước.

Phong trào Văn Thân kéo dài khoảng 22 năm với 3 đợt bùng nổ lớn.

Đợt đầu tiên khởi phát vào năm 1864 với cuộc bãi thi của sĩ tử kì thi Hương tại các trường thi Hà Nội, Nam Định, Nghệ An và cuộc tham gia binh biến của các sĩ tử tại Kinh thành Huế để phản đối triều đình nhà Nguyễn kí Hiệp ước năm Nhâm Tuất (1862), nhượng 3 tỉnh miền Đông Nam phần cho Pháp.

Mười hai năm sau, do bất bình về việc triều đình nhà Nguyễn kí hàng ước Giáp Tuất 1874, Phong trào Văn Thân lại nổ ra dữ dội tại Nghệ, Tĩnh do ông Tú Trần Tấn và học trò của ông là ông Tú Đặng Như Mai lãnh đạo.

Đợt thứ ba xảy ra vào các năm 1885 và 1886. Sau khi vua Hàm Nghi ban Dụ Cần Vương, khai mở Phong trào Cần Vương khắp nơi, thì Phong trào Văn Thân nương theo chính nghĩa của Phong trào Cần Vương lại bùng phát dữ dội một lần nữa, trước khi lụi tàn.

3. Văn Thân là những ai

Văn có nghĩa là chữ, là người có học thức (Nho học). *Thân* là giải thắt lưng bằng tơ của các viên chức xưa, bao gồm cả các thư lại, thân hào, và các viên chức về hưu. Theo nghĩa rộng, Văn Thân là tất cả những ai có Nho học, từ vua quan cho tới dân. Theo nghĩa hẹp dùng cho Phong trào Văn Thân ở nước ta vào khoảng giữa thế kỉ 19 thì Văn Thân là các *sĩ tử*, các *nhân sĩ* hay *thân sĩ*. Họ là dân sự, có Nho học. Họ là giới trung gian giữa quan quyền với dân. Chỉ có họ mới đọc và hiểu được các lệnh lạc, các niêm yết chốn công đường viết bằng chữ Nho và truyền dịch lại cho dân. Họ không là quan, nhưng có vị trí cao hơn dân và được dân kính trọng và nghe theo.

Sĩ tử là những khoá sinh theo đường cử nghiệp. Khoá sinh đã từng đi thi mà chưa đậu đạt gì thì gọi là *thí sinh* hay *thầy khoá*. Đậu Nhất Trường kê như chưa có tên gọi. Đậu Nhị Trường có thể gọi là Nhị Trường. Đậu Tam Trường mới được gọi là Tú tài. Dù đậu Tú tài, việc học vẫn còn dở dang, chưa được kê là đã xong nợ đèn sách, chưa đủ điều kiện để ra làm quan. Dân chúng gọi các thí sinh đậu Tú tài là *ông Tú* hay *thầy đồ*. Các *ông Tú* này là thành phần lãnh đạo chính yếu của Phong trào Văn Thân.

Nhân sĩ hay *thân sĩ* là những vị khoa bảng không chịu ra làm quan hoặc đã làm quan nhưng từ giã quan trường.

4. So sánh với Phong trào Cần Vương

Khoảng giữa thế kỉ 19, thực dân Pháp bắt đầu dùng vũ lực đánh chiếm đất nước ta rồi thiết lập một hệ thống thuộc địa để cai trị và khai thác tài nguyên. Dân Việt Nam đã đứng lên chống lại quân Pháp xâm lược. Có thể gom các nỗ lực chống ngoại xâm ở nước ta trong giai đoạn này vào hai phong trào lớn: Phong trào Văn Thân và Phong trào Cần Vương.

Cần vương có nghĩa là giúp vua. Vua đây là vua Hàm Nghi.

Phong trào Cần Vương ra đời năm 1885, sau Phong trào Văn Thân khoảng 20 năm.

Đêm 04 rạng sáng 05-7-1885, Phụ chính Đại thần Tôn Thất Thuyết, thủ lĩnh phe chủ chiến trong triều đình, ra lệnh đồng loạt tấn công quân Pháp ở Trấn Bình Đài, Toà Khâm sứ, và Đồn Mang Cá tại Huế. Cuộc tấn công thất bại, ông Thuyết đưa vua Hàm Nghi xuất thành, chạy về chiến khu Tân Sở ở Quảng Trị. Tại đây, ngày 13-7-1885, nhà vua ban Dụ Cần Vương. Do đó, trên danh nghĩa, vua Hàm Nghi là thủ lĩnh đầu tiên của Phong trào Cần Vương.

Hưởng ứng Dụ Cần Vương, hàng chục cuộc khởi nghĩa chống Pháp đã nổ ra ở miền Trung và miền Bắc.

Miền Bắc với Nguyễn Thiện Thuật ở Bãi Sậy (Hưng Yên 1885-1889), “Con Hùm Xám Yên Thế” Hoàng Hoa Thám (1892-1913)...

Miền Trung, nổi bật với Phan Đình Phùng ở Hà Tĩnh (1885-1895), Phạm Bành, Đinh Công Tráng, Hà Văn Mao ở Thanh Hoá (1885-1886)...

Tại miền Nam, khi Dụ Cần Vương ban ra, thực dân Pháp đã kiểm soát chặt chẽ khắp miền Lục Tỉnh, cho nên ít có cuộc khởi nghĩa nào đáng kể nổ ra được.

Đêm 02-11-1888, do sự phản bội của Trương Quang Ngọc, vua Hàm Nghi bị thực dân Pháp bắt và bị đày sang Algérie. Từ đó, Phong trào Cần Vương yếu dần.



Vua Hàm Nghi bị quân Pháp bắt tại Quảng Bình (Tranh vẽ. Nguồn: *hellindochine*).

Vua Hàm Nghi là linh hồn của Phong trào Cần Vương. Không còn vua Hàm Nghi, Phong trào mất ý nghĩa chính thống, nhưng Phong trào Cần Vương có chính nghĩa và “Bình Tây” nhiều mà “Sát Tả” ít, cho nên vẫn tiếp tục hoạt động được một thời gian. Phong trào Cần Vương chỉ chấm dứt ở miền Trung với cái chết của Phan Đình Phùng năm 1895, và ở miền Bắc với cái chết của Hoàng Hoa Thám năm 1913.

Sở dĩ Phong trào Cần Vương thất bại là vì các cuộc khởi nghĩa mang tính cục bộ và địa phương, chưa liên kết với nhau thành một lực lượng có hệ thống quy mô toàn quốc. Vũ khí, quân nhu, quân dụng của mỗi cuộc khởi nghĩa còn thô sơ, thiếu thốn, thua sút quá xa so với quân Pháp.

Chính trị đối nội thất bại: Lòng người li tán, loạn lạc khắp nơi; thêm vào đó, từ triều đình xuống tới hàng quan lại địa phương cũng như đa số các sĩ phu, đã thất sách trong việc đối xử tàn ác và giết hại những người theo đạo Gia Tô. Chính sách đối với các sắc dân thiểu số cũng sai lầm, khiến cho một số sắc dân thiểu số ngả theo Pháp và ngăn chặn con đường tiếp liệu vũ khí từ phương Bắc.

Chính sách đối ngoại cũng phạm sai lầm lớn vì hầu như chỉ biết cầu viện quân Tàu. Vào thời điểm đó, Tàu cũng hèn yếu, đã không cứu nổi mình thì còn cứu được ai. Hơn nữa, nước Tàu muôn đời nuôi mộng thôn tính nước ta, cho nên dù đang bị liệt cường xâu xé, họ vẫn không ngừng nuôi mộng bá quyền. Một bằng chứng rõ ràng là vào năm 1882, vừa khi thành Hà Nội thất thủ, triều đình Huế đã kêu cứu Bắc Kinh, họ liền đem quân vào chiếm lấy các tỉnh phía Bắc Sông Hồng của ta. (Xem Nguyễn Xuân Thọ. Bước Mở Đầu Của Sự Thiết Lập Hệ Thống Thuộc Địa Pháp Ở Việt Nam (1858-1897), 1995. Từ trang 272 đến 292).

II. TẠI SAO VĂN THÂN BÌNH TÂY SÁT TẢ

1. Vì dị ứng do khác biệt văn hoá

Nền văn hoá của người Việt hay là cách nghĩ và lối sống của người Việt đã thành nền nếp hàng ngàn năm, đột nhiên phải va chạm với một hệ tư tưởng và nếp sống xa lạ, tức đạo Gia Tô, do các giáo sĩ Tây phương mang tới.

Các nhà truyền giáo đã mang tới một đạo giáo mới lạ về giáo thuyết, kinh sách, cơ cấu tổ chức, nghi lễ phụng tự, nghi lễ phong tục (tang chế, cưới hỏi...), các thứ cấm kỵ.

Số tín hữu Gia Tô lúc đầu tuy còn ít ỏi, nhưng khi theo đạo mới, họ tuân giữ nghiêm ngặt các

điều được dạy bảo. Họ từ bỏ một số phong tục, tập quán cũ; rồi dần dần trở thành những nhóm nhỏ, thành những làng đạo sống khép kín, tự cô lập giữa đa số đồng bào mình. Hậu quả là họ phải hứng chịu phản ứng nghi ngờ, đố kỵ của đa số đồng bào. Lẽ đương nhiên, giới Văn Thân là thành phần phản kháng đầu tiên, bởi vì họ là những người hiểu biết và ý thức hơn trong xã hội.

2. Vì hận thù do các vụ việc liên quan tới tín ngưỡng

Đây là lí do đặc biệt nghiêm trọng. Có thể kể ra một số vụ việc như sau:

Một là, thái độ quá nhiệt tình “đi chinh phục các linh hồn” của các giáo sĩ đã làm cho người bản xứ cảm thấy như đang bị xâm lăng, bị tấn công, bị “thực dân”.

Hai là, có sự dị biệt rất lớn giữa đôi bên trong quan niệm về tín ngưỡng thờ cúng ông bà, tổ tiên. Người theo đạo mới, chỉ giữ đạo hiểu theo tinh thần của Điều răn thứ 4 “Thảo kính cha mẹ” trong 10 Điều răn, mà không thờ cúng ông bà như một tín ngưỡng. Đối với lương dân, không thờ cúng ông bà là một tội không thể tha thứ và đáng gọi là loài “cầm thú”!

Ba là, trong sách vở cũng như kinh đọc do các giáo sĩ soạn ra cho giáo dân, có những chỗ kém hiểu biết và bất kính đối với các tín ngưỡng và tôn giáo vốn đã hiện diện từ lâu đời ở Việt Nam. Sự bất kính thấy rất rõ trong Chương “Ngày Thứ Bốn: Những Đạo Vạy” trong cuốn *Phép Giảng Tám Ngày* của Alexandre de Rhodes (Dunglac.org).

Thái độ bất kính này trái ngược hẳn với tinh thần Huân thị của Bộ Truyền giáo Rôma. Thật vậy, chỉ sau đó 8 năm, năm 1659, khi cử 2 giám mục tiên khởi người Pháp tới Việt Nam, Bộ Truyền giáo đã ra Huân thị rất rõ ràng cho các nhà truyền giáo là phải tôn trọng văn hoá địa phương. Huân Thị viết:

“Các vị đừng có tìm cách, đừng có tìm lý lẽ để thuyết phục các dân tộc thay đổi nghi thức của họ, tập tục và phong hoá của họ, trừ ra những gì rõ ràng là trái ngược với tôn giáo và luân lý (...). Đừng đem đến cho các dân tộc ấy xức sớ của các vị, mà chỉ đem đến đức tin, một đức tin không từ chối cũng không làm thương tổn các nghi thức, các tập tục của bất cứ một dân tộc nào, miễn là tất cả đó không có gì là xấu (...). Đừng bao giờ đem so sánh tập tục của các dân tộc đó với tập tục của các nước Châu Âu. Trái lại, các vị hãy làm quen với những tập tục đó...” (Vương Đình Chử. Truyền giáo ở Viễn Đông. Từ chế độ bảo trợ sang chế độ đại diện tông toà. Trích Huân thị của Bộ Truyền giáo gửi cho 2 vị giám mục tông toà tiên khởi. Tnttt.free.fr/archive/dinhchuvuong.html).

3. Do ảnh hưởng việc bách hại đạo Gia Tô của các vua chúa

Các vua chúa quan quyền, nhất là thời Minh Mệnh và Tự Đức, đã ra sức tiêu trừ “tả đạo” (Gia Tô giáo) để bảo vệ “chính đạo” (Nho đạo). Các Văn Thân là đệ tử Nho gia, đương nhiên hầu như tất cả đều ủng hộ việc cấm đạo. Văn Thân là dân giả, nhưng vì có học, họ trở thành gạch nối giữa chính quyền và dân. Dân quê rất tôn trọng các Văn Thân, cho nên khi Văn Thân nổi lên bách hại đạo Gia Tô, họ mau chóng lôi kéo được đông đảo dân quê theo họ, tạo thành một phong trào quần chúng rộng lớn.

4. Lí do ái quốc

Trong bài *Kể Sĩ*, Nguyễn Công Trứ đã minh định vị trí và nhiệm vụ của giới sĩ. Về vị trí: Sĩ đứng đầu trong 4 hạng dân (“*Dân hữu tứ, sĩ vi chi tiên*”). Về nhiệm vụ: Khi còn là thường dân, kẻ sĩ phải bàn bạc điều hơn lẽ phải để giáo dục dân (“*Phù thế giáo một vài câu thanh nghị*”). Đến khi hữu sự, phải vì chính đạo mà ngăn chống gian tà, bất chính; đẩy lui sóng dữ để che chở

các dòng sông (*“Cầm chính đạo để tịch tà cự bí, Hồi cuồng lan nhi chương bách xuyên”*).

Ý thức như thế, cho nên khi thực dân Pháp thực sự mở những cuộc đánh chiếm nước ta thì Văn Thân là kẻ đầu tiên cầm thù giặc Pháp. Khi phát hiện có vài giáo sĩ người Pháp và một số ít giáo dân dính líu tới thực dân Pháp, như giọt nước làm tràn li, Văn Thân trút hết oán thù lên các giáo sĩ và giáo dân, kết tội họ là nguồn gốc mọi tai họa cho đất nước. Họ yêu cầu nhà vua phải tiêu diệt tất cả các giáo sĩ và giáo dân trước, sau đó mới đánh đuổi giặc Pháp để khôi phục sự vẹn toàn chủ quyền cho đất nước. Và khi nhà vua không làm theo ý họ, lại kí những thoả ước nhượng bộ đất đai và cho phép tự do giảng đạo thì họ tự động tổ chức thành lực lượng dân chúng đông đảo, với chủ trương “Bình Tây Sát Tả”, kéo nhau đi chém giết, đốt phá các làng đạo.

5. Vì não trạng nhất “Tàu nhĩ ta”

Nói chung, lòng tôn sùng Nho học và cách tuyển chọn nhân tài theo lối khoa cử từ chương thuở xưa đã tạo nên lớp sĩ phu sùng thượng nước Tàu, tự che mắt mình, khiến không còn đủ sáng suốt để tiếp nhận bất cứ cách nghĩ, cách làm nào khác người Tàu. Nước Tàu là nhất, là mẫu mực; ngoài ra là man di, mọi rợ và phải lên án, phải loại trừ.

Đó cũng là một trong những lí do khiến cho giới Văn Thân miệt thị Đạo Gia Tô là “tả đạo” và người Tây phương là “bach quý”, dẫn đưa tới chủ trương cực đoan và thất sách khi muốn thể hiện lòng ái quốc.

6. Vì sợ mất địa vị lãnh đạo tinh thần và nghề nghiệp sinh sống

Đọc thơ Nôm của Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Tú Xương... người ta hình dung ra được cảnh nghèo khổ thê thảm của các Nho sinh theo con đường cử nghiệp khi chưa đỗ đạt hoặc hoạn lộ không được hanh thông.

“Ngày ba bữa vỡ bụng rau bình bịch... Áo vải thô nặng trĩch, lạnh làm mền, nức làm gối, bốn mùa thay đổi bấy nhiêu ...” (Bài *Hàn Nho Phong Vị Phú* của Nguyễn Công Trứ, 1778-1858).

Song dù nghèo khổ đến đâu, giới Nho sĩ vẫn hãnh diện về vị trí hàng đầu mà xã hội vẫn dành cho họ: *“Tước hữu ngũ, sĩ cư kì liệt. Dân hữu tứ, sĩ vi chi tiên”* (Bài *Kẻ Sĩ* của Nguyễn Công Trứ). Đồng thời các ông vẫn phải giữ trọn đạo “Cương Thường” với phong thái an nhiên, ung dung và ứng xử cho xứng là bậc mô phạm giữa xóm làng.

Trong cảnh túng thiếu ấy, các Nho sinh đành phải kiếm kế mưu sinh bằng cách “mài chữ” ra mà sống; tức là làm các nghề có liên quan tới chữ nghĩa, như làm thầy đồ dạy học, viết đối liễn hoặc làm thầy lang bốc thuốc, chữa bệnh. Nói chung, tuy không phải chân lấm tay bùn, nhưng nghề làm thầy đồ, thầy lang, thầy địa lí, thầy bói, thầy tướng, thầy số, thầy viết đối liễn..., cao lắm cũng chỉ đủ nuôi bản thân của thầy, mọi việc khác cùng chuyện gia đình con cái, thầy đặt hết lên vai bà thầy hay bà đồ: *“Quanh năm buôn bán ở mom sông. Nuôi đủ đàn con với một chồng”* (Bài *Khen Vợ* của Tú Xương).

Nhưng tất cả đang bắt đầu thay đổi. Người Tây phương và các giáo sĩ truyền giáo đã đến nước ta mang theo nhiều cái mới: đạo mới, tư tưởng mới, nếp sống mới, và những cái mới khác nữa, như: khoa học, y học, vũ khí...

Những cái mới này, nhất là khi thực dân Pháp bắt đầu thiết lập guồng máy cai trị mới, bắt đầu làm lung lay toàn thể xã hội nước ta vốn yên ả đã hàng ngàn năm, bao gồm cả vị trí và nghề nghiệp của giới Nho sĩ: *“Nào có ra gì cái chữ Nho. Ông nghề ông cống cũng nằm co. Sao bằng đi học làm thầy phán. Tỏi rượu sâm banh, sáng sữa bò”* (Bài *Cái Chữ Nho* của Tú Xương).

Vừa bị mất nòi cơm vừa bị sang đoạt vị trí danh giá, đã góp thêm vào các lí do khiến giới Nho sĩ Văn Thân thù ghét cả “Tây” lẫn “Tà”.

Những lí do trên đây là nguyên nhân chính yếu, đã từ từ nung nấu lòng hận thù trong giới Nho sĩ đối với đạo Gia Tô trong một thời gian lâu dài. Lòng thù hận ấy tích lũy thành một lò thuốc súng, chỉ cần có một mồi lửa là phát nổ. Đúng vậy, kể từ năm 1862, mỗi lần quân Pháp gây hấn là mỗi lần châm mồi lửa cho lò thuốc súng hận thù trong lòng giới Văn Thân phát nổ dữ dội.

III. HÀNH ĐỘNG CỦA VĂN THÂN

1. Phong trào Văn Thân từ năm 1864 tới 1874

a. Nguyên nhân gần: Hiệp Ước 1862

Năm Nhâm Tuất 1862, triều đình Huế kí hiệp ước nhượng 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ cho Pháp. Khoản đầu tiên trong 12 điều khoản của Hiệp ước 1862 nói “*Nước Nam phải để cho giáo sĩ nước Pháp và nước Ý Pha Nho được tự do giảng đạo và để dân gian được tự do theo đạo*” (Trần Trọng Kim. Việt Nam Sử Lược. Bản điện tử. Tr. 204).

Hiệp ước 1862 làm cho giới Văn Thân phẫn nộ. Họ cho là vua Tự Đức không còn xứng đáng làm vua trăm họ vì nhà vua đã hèn yếu với giặc và không tiếp tục tiêu diệt bọn giáo dân Gia Tô. Văn Thân kết tội Gia Tô giáo là nguyên cớ gây ra giặc ngoại xâm và giáo dân đã tiếp tay cho giặc Pháp. Vậy muốn đánh Pháp, phải diệt nội thù trước; nội thù là các giáo dân.

Và giới Văn Thân chỉ còn đợi dịp thuận lợi để biến căm thù thành hành động cụ thể.

b. Hành động của Văn Thân và sĩ tử tại các trường thi Hà Nội, Nam Định, Nghệ An năm 1864

Dịp thuận lợi đó chính là kì thi Hương năm Giáp Tý 1864 tổ chức tại các trường thi Hà Nội, Nam Định, Nghệ An và Thừa Thiên. Đây là lúc các sĩ tử khắp nơi quy tụ về, rất dễ dàng cho những tay chủ chốt vận động và tổ chức. Thế là lần đầu tiên trong lịch sử, các sĩ tử đã nhất trí tham gia một cuộc biểu tình tranh đấu. Họ đồng lòng bãi thi, không chịu vào trường thi.

Vì thí sinh bãi thi cho nên ngày đầu kì thi tại các trường đã phải hoãn lại tới ngày hôm sau. Nhiều thí sinh bỏ hẳn kì thi.

Về việc này, sử gia Phạm Văn Sơn viết trong *Việt Sử Tân Biên* như sau: “*Một việc đã xảy ra và chưa từng có từ trước đến giờ là thái độ của các khoa sinh thi Hương ở các trường Thừa Thiên, Nghệ An, Hà Nội và Nam Định. Họ đã biểu tình để tỏ lòng bất mãn đối với Hoà ước 1862 mấy lần khiến triều đình phải dùng quân đội đến đàn áp mới yên. Ngay ở Kinh Thành nhiều quan lại và tôn thất cũng ra mặt phản kháng và muốn lật nhào ngai vàng của vua Dục Tông (Tự Đức) hầu mở một lối thoát cho thời cuộc nước nhà...*” (Phạm Văn Sơn. Việt Sử Tân Biên. Quyển 5, Tập thượng. Sài Gòn, 1965. Trang 153).

Cuộc biểu tình bãi thi của các sĩ tử năm 1864 nhằm mục đích chính trị và có tổ chức quy mô, cho nên có thể nói đây là cuộc sinh viên tranh đấu đúng nghĩa đầu tiên nổ ra ở nước ta.

c. Hành động của Văn Thân ở Kinh đô Huế năm 1864

Riêng tại Kinh đô Huế, tình hình kì thi Hương năm Giáp tý 1864 trở nên rất phức tạp và nghiêm trọng, bởi vì gần 4 ngàn sĩ tử (trường Thừa Thiên thi chung với trường Bình Định) chẳng những ra mặt phản kháng chính sách đối ngoại của vua và triều đình, họ còn bị lôi kéo tham dự vào một âm mưu chính trị lớn nhằm lật đổ nhà vua, sát hại đại thần và tiêu diệt các làng đạo.

Khởi đầu, một sĩ phu Bình Định tên là Nguyễn Văn Viên dâng sớ lên vua Tự Đức, nội dung

có những điểm chính như sau: Đại thần Phan Thanh Giản và phái đoàn đã kí Hiệp ước 1862 với Pháp là điên rồ, ngu xuẩn và phản bội; đạo Gia Tô là nguyên có gây nên giặc ngoại xâm và là nguyên nhân của mọi đau khổ cho người dân trong nước.

Tác giả đề xuất: Muốn trừ họa cho dân cho nước thì phải giết hết thừa sai và giáo dân. Để làm được việc này, thỉnh cầu nhà vua chấp thuận và cấp vũ khí cho các sĩ phu. Nếu nhà vua không chấp thuận, các sĩ tử sẽ bỏ trường thi vì bây giờ thơ phú không còn ích chi mà phải hành động!

Vua Tự Đức không chấp thuận thỉnh cầu của các sĩ phu. Vì thế, được sự ủng hộ của các sĩ tử và quan chức chủ chiến, nhóm sĩ phu cầm đầu đã tự đưa ra một kế hoạch hành động như sau: Trước hết, hành quyết ngay Đại thần Phan Thanh Giản, Trần Tiễn Thành và các quan thuộc phe chủ hoà. Sau đó, đi diệt các làng đạo quanh Kinh thành và tại các tỉnh miền Trung cũng như miền Bắc. Cuối cùng là tấn công quân Pháp ở miền Nam để lấy lại 3 tỉnh đã mất. Họ đặt vua Tự Đức vào tình huống phải chọn, một là ủng hộ kế hoạch nói trên, hai là bị phế bỏ. Nếu nhà vua không ủng hộ họ, họ sẽ tôn người em chú bác của vua là Hồng Tập lên thay. Vì thế, còn gọi vụ này là Vụ Án Hồng Tập 1864.

Trước khi ra tay, Trương Văn Chất chiêu mộ các sĩ tử dự kì thi Hương năm Giáp Tý 1864 và cả những thành phần bất hảo để thành lập ra một lực lượng vũ trang, chia làm 4 đạo quân.

Chiến dịch khởi sự vào đêm ngày 02 tháng Bảy (03-8-1864). Đạo quân đầu tiên nhập thành tìm diệt Đại thần Phan Thanh Giản và các quan chủ hoà. Sau đó, bắn đại bác làm hiệu. Khi thấy hiệu lệnh, ba đạo quân khác sẽ tấn công các làng đạo Kim Luông, An Vân, An Truyền và An Hoà.

Không ngờ, vì sự canh gác trong thành quá nghiêm ngặt, đạo quân nhập thành không thể thực hiện nổi kế hoạch, đành phải rút lui. Do đó, 3 đạo quân bên ngoài không nghe thấy tiếng đại bác bắn báo hiệu từ trong thành, cho nên đã không dám tấn công các làng đạo.

Thế là toàn bộ kế hoạch bị bại lộ, nhóm chủ chốt bị bắt giao cho Tôn nhân phủ và đình thần xét xử. Riêng các sĩ tử thì được lệnh phải vào trường thi, nếu không có giấy phép, cấm không được tự tiện ra vào. (1)

Tổng kết tổn thất trong vụ âm mưu của Văn Thân ở Kinh thành Huế 1864, tuy các thừa sai và giáo dân chưa phải chịu thiệt hại về sinh mạng, nhưng đã bị vu cáo, bị tra xét và sách nhiễu gây nên sợ hãi ở khắp nơi. Cuối cùng thì họ đã được nhà vua minh oan và công nhận là “*giữ đúng luật nước*” (Xem Ts. Đào Trung Hiệu. Giáo Hội Việt Nam Thời Cận Đại. Trích từ Patrick J.N.Tuck: Thừa sai Công Giáo Pháp 1857-1819, UBĐKCGVN 1989 trang 181-188/ French Catholic Missionaries and the Politics of Imperialism in Vietnam, 1857-1914. Liverpool Historical Studies, 1.1 Liverpool University Press, Liverpool).

d. Hành động của Văn Thân sau biến cố 1864

Biến cố 1864 đã qua, nhưng tham vọng của thực dân Pháp không dừng lại, cho nên giáo dân sẽ phải chịu nhiều đau khổ tột cùng.

Thật vậy, tháng 6-1867, Pháp chiếm nốt 3 tỉnh miền Tây là Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên, biến “Lục Tỉnh Nam Kỳ” thành thuộc địa của Pháp. Sự việc này lại khơi dậy căm thù trong lòng giới sĩ phu nhắm vào thực dân Pháp và các giáo dân.

Ngay năm sau, 1868, tại Quảng Nam và Nghệ An, các quan làm ngơ cho Văn Thân truy nã và đốt phá các họ đạo.

Tại Ninh Bình và Nam Định, viện cớ đề phòng quân Pháp đánh ra Bắc, các Văn Thân lập ra một đội quân lưu động đặt dưới quyền chỉ huy của Phạm Văn Nghị, một vị quan hồi hưu, thường gọi là Hoàng Giáp Tam Đẳng vì ông là người xã Tam Đẳng và đậu Hoàng giáp Tiến sĩ. Hoàng

giáp Phạm Văn Nghị có uy tín vì ông là thầy của nhiều ông Tú tài, Cử nhân và các quan lại. Ngày 14-1-1868, họ vu cho giáo dân tội phản nghịch và tội đánh độc lương dân, rồi đốt phá nhiều họ đạo, khiến cho hàng ngàn giáo dân phải chạy về nhà chung, tức trụ sở chung của giáo phận, để mong được giám mục che chở. (2)

Tình hình ở các vùng này quá căng thẳng khiến cho triều đình phải can thiệp. Và năm 1869, vua Tự Đức ra 2 sắc lệnh cho phép giáo dân trở về làng, cấm lương dân không được sách nhiễu họ.

2. Phong Trào Văn Thân năm 1874

a. Nguyên nhân gần: Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất

Suý phủ Sài Gòn là Đô đốc Dupré vốn nuôi mộng can thiệp vào miền Bắc nước ta bằng vũ lực, ông ta chỉ chờ cơ hội thuận tiện. Và cơ hội đó đã tới. Đó là “Sự kiện Jean Dupuis”. Năm 1873, nhân việc tên lái buôn Jean Dupuis tự tiện đi lại buôn bán trên sông Hồng và có thái độ ngang ngược và thách thức, gây nên tình hình căng thẳng đến nỗi triều đình Huế phải yêu cầu Suý phủ Pháp ở Sài Gòn can thiệp. Lợi dụng cơ hội này, Thống đốc Dupré cử Hải quân Đại úy Francis Garnier đem quân ra Bắc.

Đang khi các quan chức phía Việt Nam nỗ lực điều đình để tìm ra một giải pháp khả thi thì F. Garnier cố tình gây hấn, rồi bất thành linh đánh chiếm thành Hà Nội ngày 20-11-1873.

Sau khi hạ thành Hà Nội, F. Garnier ra lệnh đánh chiếm Hưng Yên, Phủ Lý, Hải Dương, Ninh Bình và Nam Định.

Thấy nguy, triều đình Huế cử ngay một phái đoàn ra Hà Nội.

Hạ Thành Hà Nội lần này là tham vọng của Đô đốc Dupré, Suý phủ Sài Gòn, chứ không phải của chính phủ Pháp. Vì thế, Dupré sợ F. Garnier đi quá trớn, cho nên ông cũng cử Hải quân Đại úy Philastre cùng với đại diện triều đình Huế là Phó sứ Nguyễn Văn Tường, lúc đó đang ở Sài Gòn (Chánh sứ Lê Tuấn bị bệnh, không đi được) lên đường ra Huế để trấn an nhà vua và xin ký kết một hiệp ước hữu nghị.

Tại Huế, nghe tin Garnier đang có những hành động phiêu lưu, Philastre quyết định ra Hà Nội ngay. Nhưng vừa tới cửa sông Hồng (Cửa Cấm), Philastre đã nghe tin Francis Garnier bị quân Cờ Đen giết chết. Tin này làm cho Philastre nổi giận, nhưng Phó sứ Nguyễn Văn Tường đã khôn khéo thuyết phục được ông ta thuận cho lệnh rút quân ra khỏi các tỉnh đã chiếm và trả lại thành Hà Nội.

Năm sau, Việt – Pháp ký Hoà ước Giáp Tuất 1874, gồm 22 khoản. Có những khoản quan trọng như: Việt Nam nhượng đứt 6 tỉnh miền Nam cho Pháp (V); Pháp nắm trọn việc ngoại giao (III). Cho tự do giảng đạo và tự do theo đạo (IX)...

Đó là lí do làm cho tức nước vỡ bờ. Văn Thân nhiều nơi ở miền Bắc liền ra tay, nhưng quy mô hơn cả là Phong trào Văn Thân Nghệ Tĩnh do thầy trò ông Tú Tồn lãnh đạo.

b. Hành động của giới Văn Thân ở miền Bắc

Đầu năm 1874, vì biết quan Tổng đốc Nam Định dâng sớ về Kinh xin được giết hết giáo dân, nay thấy Philastre ấn định ngày rút hết quân Pháp về Nam, Gm. Puginier sợ Văn Thân trút hết cơn phẫn nộ lên các làng đạo, cho nên ông đã xin Philastre nán lại để bảo vệ cho các giáo dân. Philastre không chấp thuận, một mực thi hành lệnh rút quân.

Đã có sẵn ác cảm đối với tập thể giáo dân, nay thấy Gm. Puginier thỉnh cầu quân Pháp nán lại, các Văn Thân càng giận dữ. Cho nên hễ thấy quân Pháp rút tới đâu, quân Văn Thân liền ra tay tàn sát, đốt phá các làng đạo tới đó. (3)

Riêng Giáo phận Đông Đàng Ngoài (vùng Hải Phòng, thường gọi là Địa Phận Đông, tức Đông Đa Minh, Manila) bị thiệt hại ít hơn, vì vị giám mục cai quản dứt khoát từ chối mọi dính líu tới chính sự và các hành động quân sự của Pháp. Ông đã khôn ngoan tuân thủ nghiêm ngặt Huấn thị năm 1659 của Toà Thánh, cố gắng tránh dính líu vào chuyện chính trị bản xứ.

Thật vậy, ngay từ năm 1659, khi cử 2 vị giám mục tiên khởi người Pháp tới Việt Nam, Bộ Truyền Giáo đã ra Huấn Thị rõ ràng cho các vị như sau: “*Các vị hãy xa lánh những việc chính trị... Các vị đừng đảm nhiệm việc quản lý các phận vụ dân sự. Nếu người ta có năn nỉ xin các vị thì các vị hãy nhớ rằng đó là điều mà Thánh Bộ đã tuyệt đối và nghiêm khắc cấm, trong tương lai vẫn cấm*” (Vương Đình Chữ. Truyền giáo ở Viễn Đông. Từ chế độ bảo trợ sang chế độ đại diện tông toà. Trích Huấn thị của Bộ Truyền giáo gửi cho 2 vị giám mục tông toà tiên khởi. tnttt.free.fr/archive/dinhchuvuong.html).

c. Phong trào Văn Thân Nghệ Tĩnh 1874 do Trần Tấn lãnh đạo

Trần Tấn (1822?-1874): Người làng Chi Nê, nay là xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương. Ông Tấn đỗ Tú tài và được bổ làm Bang biện Thanh Chương nên thường gọi là Tú Tấn hoặc Cồ Bang.

Năm 1873, Pháp chiếm Hà Nội và một số tỉnh miền Bắc, Tú Tấn cùng học trò là Đặng Như Mai, tức Tú Mai, đòi Tổng đốc Nghệ An là Tôn Thất Triệt họp các Văn Thân lại để bàn việc chống Pháp. Nhóm sĩ phu này bầu ông Tú Tấn và Tú Mai làm thủ lĩnh. Họ bắt đầu chiêu mộ quân sĩ và chuẩn bị vũ khí, chờ thời cơ thuận lợi để hành động.

Năm sau, triều đình Huế kí Hiệp ước Giáp Tuất 1874. Bản Hiệp ước này thực chất là một hàng ước cho nên đã làm cho giới sĩ phu hết sức phẫn nộ. Lập tức, ông Tú Tấn cùng Tú Mai, Đội Lựu (Trần Quang Cán), Trần Quang Hoán, Trương Quan Phủ, Tú Khanh (Nguyễn Huy Điền) bắt đầu hành động. Để kêu gọi dân chúng, các ông thảo ra hịch *Bình Tây Sát Tả* và *Bài Ca Kêu Gọi Khởi Nghĩa*.

Bài hịch *Bình Tây Sát Tả* kết án tin đồn Gia Tô nặng nề. Gs. Lê Hữu Mục dịch thuật và nhận xét: “*Chúng đầu độc chúng ta để biến nước ta thành một nước Thiên Chúa giáo; chúng xem các ông cha bà mẹ của giống nòi chúng ta như heo chó. Chúng làm nhục đạo đức Khổng giáo*”. Cuối cùng, bài hịch được chấm dứt bằng những lời lẽ hùng hồn kêu gọi các nhân sĩ đứng lên hành động để tiêu diệt hết giáo dân và giáo sĩ, không trừ một ai, và như thế mới là anh hùng, thấy điều bất nghĩa phải chống trả kịch liệt. Có một điều mâu thuẫn đến hoạt kê là trong bài hịch được nhan đề là *Bình Tây Sát Tả*, nhưng suốt cả bài không thấy có một chữ động đến bọn thực dân xâm lăng; toàn bài đề cập đến một hành động duy nhất là mạ lỵ tàn bạo người Công giáo và hô hào tàn sát tiêu diệt họ. Căn cứ vào nội dung của bài hịch, tôi xoá bỏ chữ bình tây và tôi chỉ gọi bài văn này là *Hịch sát tả*”. (Gs. Lê Hữu Mục. Cù Sáu Đối Diện Với Văn Thân. dunglac.info).

Bài Ca Kêu Gọi Khởi Nghĩa cũng sôi máu căm thù và sất máu: “*Vì thẳng tả, giận thẳng Tây. Tuốt gươm chém sạch trận này mới nghe*” (Câu 21, 22).

Các thủ lĩnh sát cánh với ông Tú Tấn, ngoài học trò Đặng Như Mai (Tú Mai), còn có các thân nhân của ông như em rể Đặng Quang Vinh (Tú Vinh), con là Trần Hương (có tác giả nói Hương là em của Tú Tấn), cháu họ Trần Dực và các “đồng chí” khác như Đậu Như Vành, Tổng Thức, Bang Bốn, Bùi Danh Thiềm, Bùi Danh Mậu, Nguyễn Sắc Toản, Đinh Bạt Duật, Nho Năm, Đội Lựu (tức Trần Quang Cán), Tú Thiệu, Tú Khanh (tức Nguyễn Huy Điền), Tú Ngông (tức Đậu Bá Nghinh), Tú Bầm (tức Nguyễn Mậu Bầm), Tú Uyển (tức Nguyễn Duật), Tú Đức (tức Lê Mẫn Đức), Nho Đắc, Nho Phổ, bà Tú Ý (tức Nguyễn Thị Quyên, vợ của Tú Trần Văn Ý và là con gái út của Uy Viễn Tướng Công Nguyễn Công Trứ)...(4)

Chỉ trong mấy ngày, nhóm Trần Tấn lôi kéo được hàng ngàn nông dân và hàng ngàn dân miền núi Quảng Bình.

Sau khi làm lễ tế cờ ở Rú Đài, ông Tú Tấn đánh chiếm các huyện Anh Sơn, Thanh Chương, Nam Đàn, rồi tấn công thành Vinh (Nghệ An), nhưng không hạ nổi thành. Chỉ riêng trận đánh ở huyện Nam Đàn ngày 15-5-1874, quân Văn Thân đã bắt được 21 vị chỉ huy của quân triều đình. Do thua trận, quan Bố chánh Phạm Hy Lăng và quan Án sát Nguyễn Đơn bị triều đình phạt đánh roi trượng.

Đang khi đó, Tú Mai đánh các huyện Diễn Châu, Quỳnh Lưu, rồi Các huyện Hương Sơn, Đức Thọ.

Tính đến tháng 7-1874, quân Văn Thân làm chủ hết các phủ huyện Nghệ An, trừ ra thủ phủ là thành Vinh là chưa chiếm được. Trên đà thắng lợi, Văn Thân xua quân tấn chiếm tỉnh lỵ Hà Tĩnh, giết chết quan đầu tỉnh. Họ toan tính bắt tay với quân Văn Thân các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên...

Chủ trương “Bình Tây, Sát Tả”, nhưng cho đến giờ phút này, quân Văn Thân của ông Tú Tấn chưa hề đánh một thắng Tây nào, nhưng đã đánh quân của triều đình, đã chiếm các phủ huyện của triều đình, và nhất là đã ra tay tàn sát giáo dân cực kì dã man.

Khí thế tiến công vũ bão của quân Văn Thân làm cho cả triều đình lẫn thực dân Pháp lo ngại. Vua Tự Đức phải gửi 500 quân Cẩm vệ và nhiều đạo quân khác ra tăng cường cho Nghệ An. Triều đình cũng yêu cầu Hải quân Pháp trợ giúp.

Đến tháng 8-1874, trước lực lượng mạnh hơn hẳn của quân triều đình, thầy trò ông Tú Tấn phải rút về vùng rừng núi, phía Tây Nghệ Tĩnh. Chạy theo ông còn có các tay chỉ huy Văn Thân khác như: Đặng Như Mai, Trần Quang Cán, Nguyễn Vĩnh Khánh, Trương Quang Thủ, Nguyễn Huy Diễn...

Tháng 9-1874, Tú Tấn lại phải chạy sang Cam Môn, nay thuộc tỉnh Khăm Muộn, Lào. Tại đây, ông ngã bệnh và qua đời. Con ông là Trần Hường lên nắm quyền chỉ huy, nhưng chỉ ít lâu sau, Hường bị tổng lí xã Hữu Bằng (nay là Sơn Bằng, huyện Hương Sơn) bắt và nộp cho Pháp.

Riêng nhóm quân Văn Thân do Tú Mai chỉ huy lên chiếm phủ Quỳnh làm căn cứ, nhưng Tú Mai cũng bị nội gián bắt nộp cho triều đình. Trần Hường và Tú Mai bị xử chém bêu đầu tại thành Vinh (Nghệ An).

Phong trào Văn Thân do ông Tú Trần Tấn lãnh đạo tan rã vào cuối năm 1874.

d. Tồn thất của Giáo phận Vinh (Địa phận Nam Bắc Việt) do Phong trào Văn Thân Nghệ Tĩnh 1874

Theo tài liệu nhà đạo

Trong cuốn *Việt Nam Giáo Sử*, tác giả Phan Phát Huồn ghi nhận: “*Thật vậy, đã có 4.500 bốn đạo phải giết và 300 họ đạo phải phá huỷ. Bốn đạo phải hư hại hơn 6 triệu phật lăng*” (Phan Phát Huồn. *Việt Nam Giáo Sử*, Quyển I. Trang 521, 522).

Theo tài liệu bên ngoài nhà đạo

Cho tới tận ngày nay là thời Cộng sản, thế mà hậu duệ của Phong trào Văn Thân Nghệ An vẫn nhìn nhận trên Diễn Đàn Thanh Chương Nghệ An như sau: “*Với phong trào này, "bình Tây" đâu chưa thấy mà "sát tả" thì hăng hái quá. Có lẽ vì vậy mà ngày nay, để tránh xung đột của hai bên lương giáo mà người ta không đề cập đến (!?) phong trào (1874) này và trong sách giáo khoa về lịch sử cận đại không hề được đề cập*” (tcnao.net tức Thanh Chương Nghệ An Online).

Trong cuốn *Tục Ngữ Ca Dao Dân Ca Việt Nam* rất nổi tiếng của Vũ Ngọc Phan còn ghi lại

một bài vè, kể rất rõ ràng về việc các Văn Thân Nghệ Tĩnh 1874 đã ra tay tàn sát giáo dân một cách tàn ác, bắt kẻ già trẻ, đàn bà, con nít:

*Bước sang năm Tuất,
Văn Thân nổi lên,
Gông cùm đặt ra,
Chiều cò sát tả...
Là huyện Thanh Tiên...
Tú Trăn nổi lên...
Gọi bằng Bang Cố...
Đội Dục, Thừa Tổ...
Là tiền hậu quân...
Mỏng ba tháng bảy,
Xã Đoài, Thuận Ngãi,
Kéo ra chợ Sĩ,
Thanh Dạ, Thọ Kỳ.
Truyền tất cả dân,
Đâu là tả đạo,
Không kỳ già lão,
Con trẻ, đàn bà,
Lấy làm thảm thiết,
Kẻ thì trôi sông,
Máu chảy đầy đồng*

(Vũ Ngọc Phan. Tục Ngữ Ca Dao Dân Ca Việt Nam. NXB Văn Học, 2006. Trang 442).

Phong trào Văn Thân tại Nghệ Tĩnh năm 1874 tan rã, nhưng trên phạm vi toàn quốc, Phong trào Văn Thân chưa tắt hẳn, vẫn còn âm ỉ khắp nơi và chờ cơ hội sẽ lại bùng phát.

3. Phong trào Văn Thân từ năm 1885 tới 1888

a. Nguyên nhân gần: Hoà ước Patenôtre, Dụ Cần Vương

Trong lúc dầu sôi lửa bỏng, triều đình Huế vụng về đi cầu cứu Tàu. Nhân cơ hội Việt Nam cầu cứu, quân Tàu đã kéo sang chiếm giữ các tỉnh phía Bắc sông Hồng. Quân VN tưởng là có thể cậy thế quân Tàu nên bắt đầu tấn công quân Pháp, nhưng đánh đâu thua đó. Người Pháp tức giận về thái độ này nên đã đuổi lãnh sự Việt Nam ở Sài Gòn về Huế và chuẩn bị tăng cường quân lực đối phó với tình hình mới.

Tình hình đang rối mù như thế thì vua Tự Đức qua đời ngày 19-7-1883 (Quý Mùi).

Sau khi Vua Tự Đức qua đời, triều đình rơi vào hoạ “Tứ nguyệt tam vương” (tức là trong 4 tháng có tới 3 vua: Dục Đức làm vua 3 ngày, Hiệp Hoà 4 tháng, Kiến Phúc 6 tháng). Mọi việc đều do 2 viên Phụ chính Đại thần Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường chuyên quyền, thao túng.

Lợi dụng tình thế bất ổn của Việt Nam, ngày 20-8-1883, Toàn quyền Harmand và Thiếu tướng Courbet tấn công cửa Thuận An, bắt triều đình kí Hoà ước Quý Mùi ngày 25-8-1883, còn gọi là Hoà ước Harmand, gồm 27 khoản. Theo đó, nhà Nguyễn phải chấp nhận quyền bảo hộ của Pháp ở nước ta. Sau đó, quân Pháp mở chiến dịch đánh đuổi quân Tàu ra khỏi các tỉnh phía Bắc sông Hồng, đưa tới Hoà ước Fournier kí kết giữa Tàu và Pháp tại Thiên Tân ngày 18-4-1884 (đây chỉ là hoà ước sơ bộ). Tàu công nhận Việt Nam là thuộc địa của Pháp.

Để củng cố sự độc quyền thống trị ở nước ta, chính phủ Pháp ra lệnh cho Patenôtre tới Huế để dàn dựng ra một hoà ước mới, sửa lại Hoà ước Harmand năm 1883. Đó là Hoà ước Giáp Thân, 06-6-1884. Đại diện nhà Nguyễn là các ông Phạm Thân Duật, Tôn Thất Phan, Nguyễn Văn Tường; phía Pháp là Jules Patenôtre. Hoà ước gồm 19 khoản, gần giống Hoà ước 1883. Kí xong, Patenôtre bắt nấu chảy ấn phong vương của hoàng đế Tầu, coi như từ nay Việt Nam không còn lệ thuộc gì vào nước Tầu nữa.

Cũng năm 1884, Hàm Nghi được đưa lên làm vua, nhưng chỉ có hư vị, người Pháp đã nắm mọi quyền hành ở nước ta.

Vì thái độ hống hách quá đáng của người Pháp, đêm 05-7-1885, Phụ chánh Đại thần Tôn Thất Thuyết ra lệnh tấn công toà khâm sứ và các cứ điểm của Pháp ở Huế, nhưng bị thất bại. Tôn Thất Thuyết vội đưa vua Hàm Nghi bỏ tầu ra chiến khu Tân Sở ở Quảng Trị. Từ chiến khu, ông nhân danh nhà vua ban Dụ Cần Vương. Hưởng ứng Dụ Cần Vương, một phong trào kháng Pháp mới nổ ra khắp nơi ở miền Bắc và miền Trung. Đó là Phong trào Cần Vương.

Nương theo khí thế của Phong trào Cần Vương, Phong trào Văn Thân lại bùng lên dữ dội.

b. Hành động của Văn Thân trước khi vua Hàm Nghi ban bố Dụ Cần Vương

Ngay khi kí xong Hoà ước Harmand 1883, quân Pháp bắt đầu đánh đuổi quân Tầu ở Bắc kì, thì số phận giáo dân lại bị đe dọa. Các địa phận ở phía Đông do các giáo sĩ Dòng Đa Minh cai quản ít bị tổn thất hơn vì các giám mục và linh mục đã công khai dứt khoát không can dự vào chính sự và bạo lực. Đang khi đó, trong những vùng khác do các giáo sĩ Pháp phụ trách, giáo dân hứng chịu một cơn bách hại khủng khiếp. (5)

c. Hành động của Văn Thân từ khi có Dụ Cần Vương 1885

Ngày 13-7-1885, Dụ Cần Vương ban ra. Núp dưới chính nghĩa Cần Vương, các sĩ phu hăm hở dấy lên Phong trào Văn Thân cực kì dữ dội, khiến cho trong 2 năm 1885 và 1886, giáo dân từ Thanh Hoá vào tới Phú Yên phải chịu cảnh máu chảy đầu rơi, nhà tan cửa nát thảm khốc chưa từng có trong lịch sử. Chỉ nơi nào liều chết chống trả tự vệ thì may ra thoát nạn hoặc ít bị tổn hại, chẳng hạn như Phúc Nhạc (Ninh Bình), Bảo Nham và Xuân Kiều (Vĩnh), Trung Nghĩa (Hà Tĩnh), Hướng Phương (Quảng Bình), An Ninh và Di Loan (Quảng Trị), Trà Kiệu (Quảng Nam). Không may, đa số lại là những nơi không kịp hoặc không có khả năng tổ chức chiến đấu tự vệ thì bị quân Văn Thân tàn sát dã man, bắt kẻ nam phụ lão ấu. (6)

Một tác giả có quan điểm thù ghét đạo Gia Tô là Nguyễn Xuân Thọ cũng xác nhận việc Văn Thân tiếp tục tàn sát giáo dân trong thời kì sau dụ Cần Vương: “Cuộc khởi nghĩa “Văn Thân” ngày càng mở rộng quy mô, việc khủng bố người công giáo tiếp tục.” (Nguyễn Xuân Thọ. Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam 1858-1897. Trang 404).

d. Chứng từ

Chứng từ 1: Theo “Các Báo Cáo Thường Niên của Các Vị Giám Mục Giáo Phận Huế gửi Hội Truyền Giáo Hải Ngoại Paris từ 1872 -1940” thì năm cao điểm 1885, giáo dân ở 2 tỉnh Thừa Thiên và Quảng Bình chịu ít đau khổ hơn giáo dân ở tỉnh Quảng Trị. Tại Quảng Trị, tất cả các họ đạo đều bị tiêu diệt. Giáo dân bị giết bằng nhiều cách: thiêu sống, chặt tay chân, đâm chém, chết đói, thiêu sống... Theo các báo cáo thì tổng số giáo dân Quảng Trị bị tàn sát là 8.585: Giáo hạt Đất Đỏ: 1.666 người, Bái Trôi: 2.013, Dinh Cát: 4.642, Thanh Hương: 264.

Tất cả các nhà thờ, viện cô nhi, các trường học đều đã bị cướp phá và thiêu rụi. (Các Báo Cáo Thường Niên của Các Vị Giám Mục Giáo Phận Huế gửi Hội Truyền Giáo Hải Ngoại Paris từ 1872 -1940. Lê Thiện Sĩ sưu tập. Lm. Stanislaô Nguyễn Đức Vệ. tonggiaophanhue.net).

Chứng từ 2: Trong bài kí của hậu duệ Xứ Trà Câu, một họ đạo nằm ở phía Nam Tỉnh Quảng Ngãi, tác giả kể về tai hoạ mà tổ tiên của ông đã phải gánh chịu thời Văn Thân như sau: “...*Theo sử liệu và chuyện kể của cha ông, xứ đạo Trà Câu nguyên thủy hình thành trước thời Văn Thân và cũng đã phải chịu cơn bách hại khủng khiếp của phong trào Sát Tả này. Tại vùng đất Trà Câu cũ, ngày xưa vẫn lưu dấu hai mộ tử đạo: một mộ dài như một đường hào và một mộ tròn như cái giếng. Một số đông tín hữu Trà Câu đã bị chôn sống dưới cái hào dài và cái giếng sâu này. Trong khi một số đông khác bị lừa xuống sông Thoá gần "Bến Đò Mốc" (bến sông ngăn đôi hai xã Phổ Văn và Phổ Quang thuộc huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi), đến một vực sâu gọi là vực Ô Rô. Tại nơi đây, giáo dân bị cột trong các giỏ chiên (như giỏ nhốt gà) kết với các hòn đá nặng và bị xô xuống đoạn sông sâu này cho chết chìm. Chính do biến cố này mà dân cư tại đây cho đến bây giờ vẫn gọi đoạn sông này là 'Vực Đạo'”.* (Lm. Giuse Trương Đình Hiền. Cảm nhận ngày Bồn Mạng cộng đoàn Trà Câu, sau 47 năm con về giếng Mẹ. vietcatholic.net ngày 8/21/2012).

IV. MỘT SỐ NHẬN XÉT

1. Nếu coi các sĩ tử thời Nho học giống như là các sinh viên đang theo học bậc cao đẳng thời đại ngày nay, thì có thể nói, Phong trào Văn Thân ở nước ta vào nửa sau thế kỉ 19 là phong trào sinh viên tranh đấu chính trị đúng nghĩa đầu tiên ở nước ta và so với các phong trào sinh viên tranh đấu trên toàn thế giới thì đây cũng là phong trào sớm sủa nhất, kéo dài nhất, bạo lực nhất và cũng gây nên chết chóc nhiều nhất cho đồng bào vô tội.

2. Vua quan cũng như các Văn Thân và nhiều vị thủ lãnh Cần Vương đều thuộc giới Nho học. Hiểu theo nghĩa rộng, họ là các Văn Thân và đương nhiên họ đều thù ghét quân Pháp và đạo Gia Tô. Tuy nhiên, vì ở thế chính quyền, vua và các quan phải tự chế hành động trong khuôn khổ luật pháp, nhất là phải tuân thủ những hiệp ước đã kí với Pháp. Các Văn Thân là dân giả; họ không vướng mắc “vòng cương toả”, không có địa vị và quyền lợi phải giữ gìn. Vì thế mỗi khi thấy nhà vua kí một nhượng ước với Pháp, họ liền tỏ ra bất bình, không còn kính trọng, tin tưởng và tuân lệnh nhà vua nữa. Họ không đếm xỉa tới những gì triều đình kí với Pháp. Và vì chưa đủ khả năng đánh Pháp thì họ trút hết căm thù lên giáo dân.

3. Chính những hành động tàn sát dã man của Văn Thân đã đẩy giáo dân chạy về phía kẻ có thể cứu mạng họ.

4. Vì quá thù hận khiến cho các ông Văn Thân vừa mất sáng suốt vừa độc ác hơn cả người Cộng sản. Người Cộng sản ra tay không hề khoan nhượng, nhưng thường khi họ còn biết phân biệt ai mới là thành phần nguy hiểm cần tiêu diệt. Gs. Trần Văn Giàu, một đảng viên Cộng sản kì cựu, đã nhận định về Phong trào Văn Thân Nghệ Tĩnh năm 1874 như sau: *"Không thể chối cãi rằng phong trào 1874 ở Nghệ Tĩnh là phong trào yêu nước, do Văn-thân yêu nước khởi xướng. Nhưng cũng không thể chối cãi rằng các nhà Văn-thân yêu nước đã làm những điều rất sai chính trị khi họ xem việc 'sát Tả' là điều kiện thứ nhất của việc 'bình Tây', không biết phân biệt giáo dân bình thường và những giáo sĩ làm tay sai cho giặc Pháp. Họ vơ đũa cả nắm, và vô tình họ đẩy tất cả những người đạo đồ Thiên Chúa qua một bên, bên giặc Pháp. Họ đặt nhiệm vụ 'gìn giữ văn minh Nho giáo' cho cuộc vận động, như thế là bó hẹp quá, là hạn chế quá cái ý nghĩa của cuộc vận động, ý nghĩa đó là cứu nước Việt-nam, chứ nào chỉ bảo vệ riêng một đạo nào, bất kỳ Nho giáo, hay Phật giáo, hay Lão giáo. 'Bình Tây' thì chắc mọi người dân đồng ý, còn 'sát Tả' thì vị tất người dân thường đã nhất trí bằng lòng; các nhà Văn-thân khởi nghĩa vô hình trung đã tự cô lập mình, càng dễ bị triều đình đánh dẹp."* (Trần Văn Giàu, *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt- nam, tập I*,

Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1993, tr. 369. Dẫn bởi Gs. Lê Hữu Mục trong bài “Cụ Sáu Đối Diện Với Văn Thân”. dunglac.info).

5. Đến khoảng giữa thế kỉ 19 rồi mà giới Văn Thân nước ta vẫn không giao thiệp với thế giới và chỉ biết một thứ tương quan “quốc tể” theo chiều dọc: trên ta là “thiên triều”, tức là nước Tàu, dưới ta là các “em út” Miên, Lào. Các Văn Thân mù tịt về mối bang giao quốc tế theo chiều ngang, các quốc gia coi nhau ngang hàng, được quy định trong Công ước bang giao quốc tế mà các nước Tây Phương đã kí với nhau tại Vienna năm 1815 và tại Aix-la-Chapelle năm 1818. Cho nên khi người Pháp đã kí với triều đình nhà Nguyễn những hoà ước mà thấy giới Văn Thân bắt xét các điều khoản đã kí, lại kéo nhau đi tàn sát các làng đạo, nhất là giết hại các giáo sĩ Pháp là công dân của họ, rồi lại thấy triều đình kêu gọi quân Tàu và các loại giặc khách Cờ Vàng, Cờ Trắng, Cờ Đen vào đề chống lại quân Pháp, khiến họ có thêm lí do cho những hành động quân sự. Về điểm này, Gs. Tôn Thất Thiện nhận xét: *“Có thể nói rằng lúc đất nước đang phải đối đầu với một loạt vấn đề mới thì cả nước như con cóc ngồi dưới đáy giếng khuôn mẫu Khổng giáo Trung Hoa”* (Tôn Thất Thiện. Các Vua Nhà Nguyễn, Giới Văn Thân Và Sự Bại Vong Của Việt Nam. Dunglac.info).

6. Câu hỏi chính yếu thường được nêu lên và cũng là câu hỏi gây tranh luận gay gắt, đó là: Nước mất tại ai? Giới Văn Thân thế kỉ 19 và các ông Văn Thân thời hiện đại cho rằng hễ đã là tín đồ Thiên Chúa giáo thì không có cái gì tốt cả; đã không có cái gì tốt mà lại có rất nhiều tội, nhất là tội phản quốc, cho nên đáng phải bị loại trừ hoặc là phải bị giết chết hết.

Đang khi đó, Gs. Yoshiharu Tsuboi, cũng lấy Tiến sĩ tại Pháp, lại có ý kiến khác. Theo ông, có tới 4 nhóm người phải chịu trách nhiệm trong việc Pháp đánh chiếm Việt Nam: Một là triều đình Paris; hai là các viên chức ngoại giao và quân sự Pháp hoạt động ở Việt Nam, nhất là các sĩ quan Hải quân nuôi mộng làm thống đốc, toàn quyền...; ba là các giáo sĩ muốn truyền đạo; bốn là các thương nhân phiêu lưu muốn lợi nhuận. Theo các tài liệu lịch sử, nhóm người thứ hai - các viên chức ngoại giao và quân sự Pháp - là nhóm thủ phạm chính (Xem Yoshiharu Tsuboi, *l'Empire Vietnamien face à la France et à la Chine 1847-1885*, Paris (bản dịch tiếng Việt: *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa 1847-1885*, Hội Sử Học Việt Nam, Hà Nội 1992).

Câu trả lời của Gs. Y. Tsuboi đầy đủ hơn. Lịch sử cho thấy: những nước lớn và đông dân hơn Việt Nam nhiều cũng đã không thoát khỏi nạn thực dân Âu Châu. Nước Tàu bị “liệt cường xâm xé”. Ấn Độ bị Anh cai trị (có câu: “Mặt trời không bao giờ lặn trên Đế Quốc Anh”). Indonesia bị khống chế bởi nước Hoà Lan bé xíu... Trường hợp những nước này, chắc chắn không cần có các giáo sĩ Pháp tiếp tay mà bọn thực dân vẫn áp đặt được quyền thống trị. Đang khi đó, Thái Lan tuy nhỏ và yếu, nhưng vì đã khôn khéo mở cửa cho tất cả mọi nước vào làm ăn buôn bán, cho nên tránh được hoạ mất nước; còn Nhật Bản thì Minh Trị Thiên Hoàng sáng suốt và cương quyết nghe theo đề nghị của những nhà ái quốc tân học, vội vàng canh tân xứ sở. Nhờ thế mà Nhật Bản không bị xâm lăng, ngược lại còn trở nên hùng mạnh mau chóng, đến nỗi họ có khả năng đánh bại Hạm đội Bắc Hải của Nga Hoàng tại Eo Đối Mã năm 1905.

Mất nước là tại người Pháp, nhưng mà cũng tại ta. Phía Việt Nam, có thể kể ra 4 nhóm thủ phạm chính: Một là các vua; hai là các quan lớn triều đình và giới quan lại địa phương; ba là giới Văn Thân và bốn là các thân hào làng xã. Nhóm thứ hai nắm rất nhiều quyền hành và họ là cản trở lớn nhất trong các nỗ lực canh tân đất nước, dẫn tới tình trạng suy yếu, khiến không đủ lực để bảo vệ được đất nước trước tham vọng của thực dân Pháp. Nhóm thứ ba là các Văn Thân; họ phủ nhận quyền lãnh đạo của nhà vua, tự ý thành lập lực lượng vũ trang đi chém giết, đốt phá các làng đạo, nhất là việc sát hại các giáo sĩ Tây Phương khiến cho quân Pháp lấy cớ bên ta vi phạm hiệp ước

để can thiệp quân sự và khi thấy có thể thắng lợi quá dễ dàng, họ lấn tới luôn.

Tóm lại, vào các thế kỉ 18, 19, trước cao trào các nước Âu châu đi chiếm thuộc địa, do họ có nền kĩ nghệ, thương mại, quân sự...tân tiến vượt bậc, thì những nước, dù to và đông dân, mà cứ tiếp tục duy trì hệ thống cai trị mục nát, triều đình tối tăm, hủ lậu và sợ mất địa vị, quan lại tham ô, xã hội loạn lạc và dân tình đói khổ thì không mất nước mới là lạ. Thực dân đế quốc thời đại nào cũng biết cách tìm ra lí do để xâm lăng, để thoả mãn tham vọng của chúng. Lịch sử là một sự lặp lại. Ngày nay, Cộng sản Hà Nội cũng đang đưa nước ta lâm vào tình cảnh bi đát giống như tình cảnh nước ta hồi giữa thế kỉ 19.

Các ông Văn Thân cũ cũng như mới cứ phóng đại quá đáng trách nhiệm làm mất nước của những cuộc vận động, những bức thư viết bởi một số rất ít giáo sĩ Pháp có óc thực dân như: Huc, Chamison, Libois, Gm. Pellerin, Gm. Puginier...Mặc dù, phải nhìn nhận rằng: hành động dính líu tới thực dân của mấy ông giáo sĩ Pháp ấy vừa trái với Huấn thị của Bộ Truyền giáo, vừa để lại tiếng xấu cho Giáo hội Công giáo Việt Nam. Nhưng thực ra, những thứ đó chẳng là gì so với tham vọng và quyền lợi vật chất của thực dân Pháp. Khi người Pháp muốn thì họ đánh chiếm. Lí do tôn giáo chỉ là cái cớ mà phía Việt Nam đã vung về tạo ra cho họ. Không có cớ này thì họ cũng kiếm ra cớ khác. Khi cần thì họ sử dụng lí do tôn giáo. Xong việc rồi thì các viên chức cũng như các tướng tá Pháp không ngần ngại nói xấu các giáo sĩ và giáo dân.

Căn cứ vào cuốn *L'expansion coloniale de la France, étude économique, politique et géographie sur les établissements français d'outre-mer* (Paris 1886), Gs. Nguyễn Văn Trung viết: “Còn về tôn giáo, ông (Lanessan) đã cho chúng ta thấy rõ ý định của người Pháp trong chính sách ưu đãi Đạo Thiên Chúa giáo không phải vì mục đích tôn giáo nhưng vì mục đích chính trị. Nhưng không phải vì chống chính sách ưu đãi Thiên chúa giáo mà ông gạt bỏ mọi ý định lợi dụng tôn giáo vì mục đích chính trị. Vấn đề là lợi dụng làm sao mà không hại đến chính trị, và cũng không xét có hại cho đạo hay không”. Trong chú thích, Gs. Trung nói rõ thêm: “Tìm hiểu chính sách lợi dụng tôn giáo của người Pháp, chúng có là tại sao người Pháp và nước Pháp thời đi thực dân là một nước chống Thiên Chúa giáo, bài bác giáo sĩ (antiréligieux, anticlérical) trục xuất hàng ngàn tu sĩ, nhưng khi sang Việt Nam thì lại rất là ưu đãi Công giáo, và cử cả một hạm đội đến để bênh vực một thừa sai bị bách đãi” (Nguyễn Văn Trung. Chủ Nghĩa Thực Dân Pháp Ở Việt Nam Thực Chất Và Huyền Thoại. Nam Sơn, Sài Gòn. 1963. Trang 119).

7. Các ông Văn Thân thế kỉ 19 cũng như các ông Văn Thân thời hiện đại vì quá hận thù người theo đạo Gia Tô cho nên không bình tĩnh và không công bằng trong xét xử. Chẳng hạn như các ông tố cáo giáo dân tiếp tay cho Pháp, đi lính cho Tây mà không thấy tỉ lệ giáo dân đi lính cho Tây hay làm “công chức” cho Tây, từ thế kỉ 19 cho tới thời Đế Nhất Cộng Hoà, không bao giờ vượt trội so với tỉ lệ người bên lương, hay Phật tử. Hãy lấy một thí dụ: Trong cuốn *Việt Nam Giáo Sử*. Quyển 1, trang 519 và 520, tác giả Phan Phát Huồn đã dẫn sách Vie de Mgr Puginier (P. 225) nói rằng, sau khi hạ thành Hà Nội ngày 20-11-1873, F. Garnier “đi mộ ở các tỉnh được 14.000 thân binh trong số đó có 2.000 Công giáo...”. Tỉ lệ là 1/7. Cứ 1 giáo dân đi lính cho Tây thì 6 người lính khác là ai, theo đạo gì?

8. Sử sách xưa nay thường cho là giới Văn Thân yêu nước còn vua Tự Đức và triều đình thì hèn yếu vì đã lần lượt kí những hoà ước nhục nhã, nhượng bộ kẻ thù.

Phải công nhận giới Văn Thân có lòng ái quốc, thấy nước nhà bị quân Pháp xâm lăng, họ đã đứng lên chống lại kẻ thù. Tuy nhiên, trước kẻ địch có khả năng hơn hẳn về vũ khí tân tiến, giới Văn Thân chỉ có nhiệt tình mà không có sự hiểu biết và đánh giá đúng đắn về tình hình thế giới,

về đất nước và về thực lực của mình. Đang khi đó, lại phạm phải sai lầm nghiêm trọng là thay vì tìm kế sách đoàn kết toàn dân thì giới Văn Thân lại phát động tấn công các làng đạo và sát hại một cách tàn ác thường dân vô tội theo đạo Gia Tô, bắt kẻ già trẻ lớn bé. Tuy lấy khẩu hiệu “Bình Tây Sát Tà”, Văn Thân đã không đánh được thằng Tây nào, nhưng “Sát Tà” thì hết sức dữ dội. Đó là một sai lầm tai hại đưa tới máu và nước mắt cho một thành phần dân tộc, làm phân hoá và suy giảm nội lực quốc gia trước nguy cơ xâm lược của thực dân Pháp. Văn Thân yêu nước nhưng hành động không sáng suốt như thế, chẳng những không cứu được nước, mà còn góp một phần làm cho mau mất nước vào tay kẻ thù. Ông “Vua cách mạng” Lênin nói: Nhiệt tình cách mạng + ngu dốt = phá hoại.

Quan đại thần và cũng là nhà ngoại giao chuyên nghiệp hàng đầu Phan Thanh Giản đã phải than thở:

*Từ ngày đi sứ tới Tây kinh,
Thấy việc Âu châu phải giết mình.
Kêu tình đồng bào mau kịp bước,
Hết lời năm nỉ chẳng ai tin!*

Thời đó, đâu phải chỉ có một mình cụ Phan Thanh Giản chủ trương canh tân mà còn khá nhiều những nhà tân học khác nữa, như các ông Nguyễn Trường Tộ, Bùi Viện, Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Lộ Trạch, Đinh Văn Điền..., hoặc các linh mục như: Đặng Đức Tuấn, Nguyễn Hoàng, Nguyễn Ngọc Tuyên, Nguyễn Hữu Thợ, Đoàn Trinh Hoan, Trần Ngọc Vịnh, Lê Văn Huân...(Xem Nghiêm Đức Thảo và Hoàng Đình Hiếu. Những Chiến Sĩ Cần Vương Cô Đơn. dunglac.info)

Thế cho nên sử gia Trần Trọng Kim đã gọi vụ nổi dậy năm 1874 của thầy trò Trần Tấn, Đặng Như Mai ở Nghệ An là “Văn Thân Nổi Loạn ở Nghệ Tĩnh” và phê bình như sau: “*Nước ta mà không chịu khai hoá ra như các nước khác là cũng bởi bọn sĩ phu cứ giữ thói cũ, không chịu theo thời thế mà thay đổi. Nay sự suy nhược của mình đã sờ sờ ra đấy, thế mà không chịu mở mắt ra mà nhìn, lại vì sự tức giận một lúc mà làm việc nông nổi càn rỡ, để cho thiệt hại thêm, như thế thì cái tội trạng của bọn sĩ phu đối với nước nhà chẳng to lắm ru*” (Trần Trọng Kim. Việt Nam Sử Lược. Sdd. Bản điện tử. Trang 215. Motgoctroi.com).

9. Có một số tác giả tiếc xót vì Phong trào Văn Thân đã không thành công. Theo các tác giả này, nếu Phong trào Văn Thân thành công thì vận nước đã đổi thay theo chiều hướng cách mạng tiến bộ. Chúng tôi không tán đồng quan điểm này. Bởi vì, như trên đã chứng minh, Văn Thân tuy có lòng ái quốc, nhưng ái quốc một cách mù quáng, thiên cận. Đối nội thì không khôn ngoan đoàn kết mọi tầng lớp. Đối ngoại thì không mở lòng để chấp nhận học hỏi những tiến bộ khoa học kỹ thuật của Tây phương, nhất là chưa đủ khả năng để tiếp thu những tư tưởng tự do dân chủ Tây phương. Giả như Phong trào Văn Thân thành công thì họ vẫn đi theo con đường quân chủ chuyên chế và vẫn thần phục nước Tàu, nhất là về mặt tư tưởng, văn hoá. Tuyệt nhiên không hề thấy giới Văn Thân thế kỉ 19 tỏ ra dấu hiệu tiến bộ, hay là muốn đi theo tân học gì cả.

10. Ngày nay, sang thế kỉ 21 rồi, thế mà ngòi bút của các ông Văn Thân thời đại vẫn tiếp tục ngùn ngụt ngọn lửa căm thù và giả diếc làm ngơ trước những ý kiến xây dựng của những nhà nghiên cứu chuyên nghiệp. Một trong những ý kiến đó là ý kiến của sử gia Trần Gia Phụng (không phải là tín đồ Thiên Chúa giáo) sau đây: “*Tuy nhiên cần phải chú ý là không phải toàn thể giáo sĩ, hay toàn thể tín đồ Thiên Chúa giáo người Việt, đều hợp tác với Pháp. Cũng cần phải chú ý thêm rằng trong hàng ngũ những người hợp tác với Pháp, không phải hoàn toàn chỉ là những người theo đạo Thiên Chúa... Cần phải chú ý tới tất cả các khía cạnh trên, để nhấn mạnh đến một điều*

là những người hợp tác với Pháp, hay những người phản bội quốc gia dân tộc, hoàn toàn là những hành vi cá nhân của người đó, chứ không phải vì người đó theo một tôn giáo nào. Người Việt Nam cần tách bạch điều này để tránh bị lợi dụng, kích động, rồi đi đến chia rẽ, phân hoá, chỉ có lợi cho những thế lực phi quốc gia dân tộc”. (Trần Gia Phụng. Bước Đầu Truyền Giáo Tại Việt Nam. Tuyển tập Gia đình Thánh Tự 1957 – 2007. Trang 131-133).

11. Sau hết, Phong trào Văn Thân chỉ lo sát hại người theo đạo Gia Tô một cách bừa bãi và tàn ác, cho nên đã làm mất uy tín của Phong trào Cần Vương rất nhiều. Vì thế, không bao lâu sau, Phong trào Văn Thân đã bị Phong trào Cần Vương loại ra khỏi công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của toàn dân.

Tháng 6-2013

Trần Vinh (Bạch Diện Thư Sinh)

Trích từ cuốn Mặt Trận Đại Học Thời Việt Nam Cộng Hoà, Tủ sách Hoàng Sa xuất bản năm 2014, báo Thăng Mỗ San Jose tái bản năm 2016

Chú thích:

1. Tham khảo Phạm Văn Sơn. *Sổđ.*, trang 150, 154, 155. *Coi thêm: Phan Phát Huồn. Việt Nam Giáo Sử. Quyển 1. In lần 2. Trang 508 và Mark W. McLeod. Triều đình Huế và Chủ trương bài Thiên Chúa Giáo 1862-1868. Ngô Bắc dịch. www.Gio-o.com).*

2. Xem thêm Lm. Vũ Thành. *Dòng Máu Anh Hùng. Phần V: Những cuộc bách đạo thế kỷ 19. Chương 8: Những Vụ Thảm sát Người Công Giáo Do Văn Thân Khởi Xướng. dunglac.info. Đọc thêm Trịnh Việt Yên. Máu Tử Đạo Trên Đất Việt Nam, USA, 1987. Trang 58 và Phan Phát Huồn. Việt Nam Giáo Sử. Quyển I. In lần 2. Trang 515.*

3. Xem thêm Phan Phát Huồn. *Việt Nam Giáo Sử. Quyển I. In lần thứ 2. Trang 521.*

4. Trong dân gian xứ Nghệ, vẫn truyền tụng những bài về kể lại cuộc nổi dậy và bách hại đạo của các Văn Thân một cách sống động:

Văn Thân xứ Nghệ dụng tình âm mưu

Tú Trần, Tú Đặng thì đầu

Tú Vinh, nho Thiệu cùng nhau ăn thề

Đầu năm Giáp Tuất kéo cờ

"Bình Tây Sát Tả" chữ đề không sai

Phen này sống mái một hai

Nghệ An, Hà Tĩnh ai ai nức lòng

Nho Đắc thì ở phủ Bùng

Truyền cho nho Phổ cũng đồng nhát tâm

Tưởng là hồi phục nước Nam.

Nỏ hay nhà Nguyễn đa đoan hại nòi

Truyền cho đại tướng Hồ Oa

Kéo quân dư vạn, khâm sai tiểu trừ.

Nho Năm, nho Hường đôi chàng

Tú Mai, đội Lựu là làng văn thân.

Cố bang, cố ở đạ cân.

Lòng giời chẳng giúp chẳng mần nên chi.

Kéo lên chợ Rạng một khi.
 Ba vạn chống nốc, cổ thì sang Giăng.
 Đồn đây tà đạo mấy thằng,
 Dem ra ta chặt thủ quăng xuống rào.
 Sao mà chẳng chợ giáo mác siêu đao hai hàng?
 Gửi tờ nho Hường, cổ Bang
 Để ta sát tả guom sang bên đời.
 Sát tả mới được vài ba nơi
 Xổ kỳ Truông Ná đổ người về đông
 Sát tả mới được vừa xong.
 Kéo ngang qua cửa cực lòng văn thân.
 Cực lòng cổ chạy công văn
 Kéo xuôi ta đánh bắt thằng tác vi
 Quân thời ta chém quách đi
 Lừa một thằng tướng đem về đây tau
 Dem về được mấy ni lâu
 Dem ra ta chặt, chuộc đầu chẳng cho
 Tướng hồ hai huyện ra trò.
 Cổ đặt cai đội, cổ cho thông hành
 Nam Đường mới lấy phủ Anh
 Thanh Chương lấy huyện cho thành công chi
 Cổ sai một tiếng ra hai
 Kéo ra phủ Diễn thật tài anh linh
 Trống đánh cờ mờ dập dình
 Ta chợ phủ Diễn ta kinh không vào
 Phủ Diễn cổng kín thành cao.
 Nạp súng ta bắn cho trào thành ra...
 (Tcnao.net (vietnc))

5. Xem thêm Lm. Vũ Thành. Dòng Máu Anh Hùng. Sdd.

6. Xem thêm Ts. Trịnh Việt Yên. Máu Tử Đạo Trên Đất Việt. USA, 1987. Trang 62-64.



Nhà cải cách vĩ đại của
 Nhật Bản Fukuzawa
 Yukichi (1835-1901)



Nhà cải cách Nguyễn Trường
 Tộ ở Việt Nam (1830-1871) đã
 phải ôm mộng xuống tuyền đài

